

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẢNG NGHỆ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49/BC-CNT

Nghệ An, ngày 24 tháng 3 năm 2022

## BÁO CÁO

Thường niên năm 2021

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước  
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900325068
- Vốn điều lệ: 215.172.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 215.172.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 10 Đường Trường Thi, Phường Trường Thi, TP Vinh, Nghệ An
- Số điện thoại: 02383.847143
- Số fax: 02383.847142
- Website: <http://nghetinhport.com.vn>
- Mã cổ phiếu: NAP
- Quá trình hình thành và phát triển:

Ngày 13/10/1955, Cảng Bến Thủy được thành lập, là tiền thân của Cảng Nghệ Tĩnh ngày nay, đã đánh dấu sự ra đời của một doanh nghiệp cảng biển anh hùng, tiên tiến, góp phần tích cực trong công cuộc phát triển kinh tế của tỉnh Nghệ An và khu vực miền trung.

Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh chính thức chuyển đổi từ ngày 1/4/2015, là doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa tại quyết định số: 658/QĐ-HHVN của HĐQT Tổng công ty Hàng hải Việt Nam với tỷ lệ nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh được niêm yết vào ngày 19/7/2016 tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Các sự kiện khác/ Other events:

#### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:



- Ngành nghề kinh doanh: Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu
- + Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng
- + Bốc xếp, bảo quản và giao nhận hàng hóa
- + Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan
- + Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển
- + Dịch vụ dẫn dắt tàu ra vào cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn, kiểm tra tàu hoạt động trong khu vực cảng;
- + Hộ tống cứu nạn, cứu hộ trên biển
- + Cứu đắm, cứu cạn, sản xuất và cung ứng các thiết bị cứu sinh, cứu hộ.
- + Kinh doanh dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển
- + Sửa chữa phương tiện vận tải thủy, bộ
- + Xây dựng và sửa chữa công trình cảng
- + Kinh doanh Nhà nghỉ
- + Xây dựng và cho thuê Văn phòng làm việc
- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn kinh doanh chính là khu vực tỉnh Nghệ An, các tỉnh tiếp giáp lân cận trong và ngoài nước

### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý

Cơ cấu Hội đồng quản trị: Gồm có 05 người, Trong đó:

- + 01 Chủ tịch HĐQT
- + 04 Thành viên HĐQT

Cơ cấu Ban kiểm soát: gồm 03 người, Trong đó:

- + 01 Trưởng Ban kiểm soát
- + 02 Thành viên Ban kiểm soát

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc: gồm có: 04 người, Trong đó

- + 01 Tổng giám đốc
- + 03 Phó Tổng giám đốc

- Các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh có 01 Công ty liên kết là:

- + Tên công ty: Công ty Cổ phần lai dắt và dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò;
- + Địa chỉ: Văn phòng Cảng Cửa Lò, Khối 1, Phường Nghi Thủy, Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An
- + Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ dẫn dắt tàu ra vào cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn tàu hoạt động trong khu vực cảng; Hộ tống cứu nạn, cứu hộ trên biển.
- + Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty liên kết là 36%.

#### **4. Định hướng phát triển**

##### **- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Phấn đấu xây dựng Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh trở thành một trong những Doanh nghiệp cảng biển có thương hiệu, uy tín, chất lượng trong khu vực và quốc tế.

+ Trở thành một trong những Công ty khai thác cảng biển hàng đầu trong khu vực Bắc Trung Bộ về lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ hàng container.

+ Luôn đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi và ổn định mức cổ tức hàng năm cho cổ đông, nâng cao thu nhập cho người lao động;

+ Tiếp tục duy trì và phát triển thương hiệu, hình ảnh và uy tín của Công ty trên thị trường trong và ngoài nước;

##### **- Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

+ Chiến lược phát triển thị trường

Đây là chiến lược thực hiện lâu dài đến năm 2025, trong đó Công ty chú trọng kinh doanh vào những ngành nghề kinh doanh chính như: Bốc xếp hàng hóa, giao nhận ủy thác, cho thuê kho bãi. Đồng thời tập trung mọi nguồn lực để tìm mở rộng sang thị trường Lào để phát triển các mặt hàng tiềm năng như: Mặt hàng Kaly, quặng, than...; tìm kiếm thêm các khách hàng mới trên địa bàn: Các mặt hàng tôn cuộn, sắt thép, Clinker, xi măng, cát, đất phụ gia... để tăng trưởng hàng hóa thông qua cảng. Tuy nhiên để thực hiện được chiến lược này Công ty cần duy trì và chú trọng đến chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

+ Chiến lược phát triển sản phẩm

Trong giai đoạn này Công ty cần tập trung huy động vốn, từng bước tiến hành đầu tư mới thay thế các phương tiện, thiết bị, công cụ xếp dỡ hàng hóa đã lạc hậu về công nghệ, hết khấu hao, sử dụng không hiệu quả và đầu tư, nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý, khai thác cảng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. Đồng thời không ngừng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến các công cụ xếp dỡ hàng hóa nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của khách hàng, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh so với các cảng trong khu vực. Các sản phẩm sẽ được phát triển theo hướng nâng cao về mặt chất lượng phục vụ, đảm bảo nhanh chóng, an toàn, chuyên nghiệp hơn.

Mũi nhọn trong chiến lược phát triển sản phẩm trong giai đoạn tới là dịch vụ hàng container và hàng rời.

+ Chiến lược phát triển con người

Nguồn nhân lực của Công ty đóng một vai trò hết sức quan trọng trong quá trình phát triển. Vì vậy, chiến lược phát triển con người dựa trên nguyên tắc lấy con người làm trung tâm bao gồm: công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, đào tạo và các chính sách đãi ngộ đóng vai trò hết sức quan trọng để nguồn nhân lực có đủ: Năng lực trình độ chuyên môn,

ng nghiệp vụ giỏi, sức khỏe tốt, ứng xử văn hoá tốt, hoàn thành tốt nhiệm vụ quyền hạn được giao một cách hiệu quả.

### **5. Các rủi ro**

+ **Rủi ro cạnh tranh ngành:** Hiện nay, quy hoạch cảng biển đã có quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Hệ thống cảng biển Việt Nam hiện nay gồm 45 cảng biển, trong đó có 02 cảng biển loại IA, 12 cảng biển loại I, 18 cảng biển loại II và 13 cảng biển loại III, có 272 bến cảng, tổng chiều dài cầu cảng đạt 92,2 km với tổng công suất trên 550 triệu tấn/năm. Theo chủ trương của Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đối với ngành kinh tế hàng hải, trọng tâm là khai thác có hiệu quả các cảng biển và dịch vụ vận tải biển.

Trong khi đó, kinh tế biển là vùng kinh tế trọng điểm của miền Trung, nhưng quy mô hoạt động của các cảng tại miền Bắc Trung (từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh) đều nhỏ, nguồn hàng chưa dồi dào khiến cho Cảng Nghệ Tĩnh càng gặp khó khăn hơn trong việc cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành.

Tại khu vực Bắc Trung Bộ Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh có các đối thủ cạnh tranh chính:

#### **Khu vực Hà Tĩnh: Công ty cổ phần cảng Vũng Áng - Việt Lào (Hà Tĩnh)**

\* Là cảng nước sâu có thể đón được các tàu có trọng tải từ 40.000 DWT đến 50.000 DWT.

\* Hàng hóa thông qua chủ yếu là hàng rời: Gỗ dăm, than, đá rời xây dựng..., thiết bị.

\* Đối với Cảng Vũng Áng do điều kiện khoảng cách địa lý (đường bộ) xa, cách Cảng Cửa Lò 150 km, việc cạnh tranh hàng hóa ở mức độ thấp. Tuy nhiên, do hiện tại các mặt hàng thông qua Cảng Vũng Áng chủ yếu là hàng rời nên, cho nên khi thực hiện xếp dỡ các loại hàng bao gặp nhiều khó khăn do không đủ nguồn nhân lực, năng suất xếp dỡ thấp, kho chứa hàng còn hạn chế. Vì vậy, hiện tại các hàng phân bón kaly từ Lào thông qua Cửa khẩu Chalo Quảng Bình đang thực hiện quá cảnh tại cảng Cửa Lò, Nghệ An.

**Khu vực Thanh Hóa** bao gồm các Cảng: Công ty cổ phần cảng dịch vụ dầu khí tổng hợp PTSC Thanh Hóa; Công ty cổ phần thương mại Cảng Đại Dương (Thanh Hóa); Cảng Quốc tế Nghi Sơn (*Gang thép Nghi Sơn*)

\* Hiện tại các cảng ở khu vực Thanh Hóa đều là cảng nước sâu có thể đón được các tàu có trọng tải từ 40.000 DWT đến 50.000 DWT.

\* Hàng hóa thông qua chủ yếu là hàng rời: Gỗ dăm, than, clinker, đá rời..., thiết bị.

\* Đối với cụm cảng Nghi Sơn có khoảng cách đường bộ cách Cảng Cửa Lò 80 Km, Hàng hóa từ miền tây Nghệ An về cảng Cửa Lò xa hơn cụm cảng Nghi Sơn từ 30 đến 36 Km. Do vậy hiện tại đang cạnh tranh rất khốc liệt, đặc biệt là giá cước bốc xếp hàng hóa.

\* Hiện tại các Cảng ở Thanh Hóa và Hà Tĩnh đã thực hiện việc đầu tư các thiết bị làm hàng container. Đặc biệt Cảng Quốc tế Nghi Sơn đã đầu tư đồng bộ các thiết bị làm hàng container. Hiện tại giá cước container nội địa tại khu vực Nghi Sơn Thanh Hóa đang chào bằng 80% giá cước tại Cảng Cửa Lò, giá container Quốc tế bằng mức tối thiểu theo quy định ở khu vực phía Bắc.

### **Khu vực Cụm cảng Cửa Lò**

\* Công ty TNHH Cảng Cửa Lò

Bến số 5 Cảng Cửa Lò đã đưa vào sử dụng từ năm 2019, hạ tầng thiết kế chủ yếu làm hàng container, các loại hàng rời.... Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh thuê lại bến số 5 của Công ty TNHH Cảng Cửa Lò để khai thác nhằm hạn chế sự cạnh tranh thu hút khách hàng của nhau do cùng chung một vùng thị trường. Tuy nhiên thời hạn thuê bến đã kết thúc ở thời điểm tháng 1/2022 do đó sản lượng hàng hóa thông qua trong năm 2022 sẽ bị san sẻ.

\* Cảng Vissai (Nghị Thiết)

Hiện tại Cảng Vissai đang xây dựng thêm một số bến tổng hợp và dự kiến cuối năm 2022 sẽ đưa vào vận hành khai thác. Như vậy, trong thời gian tới lượng hàng hóa như quặng, than, hàng rời thông qua cảng Cửa Lò sẽ bị cạnh tranh và san sẻ.

\* Cảng nước sâu TH: Có thể đáp ứng được tàu có trọng tải 100.000 DWT (*hiện tại chưa triển khai xây dựng*)

+ **Rủi ro về nguyên nhiên liệu:** Đối với doanh nghiệp khai thác cảng, nguyên liệu đầu vào chủ yếu là xăng dầu; điện năng - một mặt hàng gần như độc quyền trong nước và thường xuyên có biến động về giá. Trong khi đó, tình hình chính trị trên thế giới liên tục bất ổn, khiến cho giá cả của nguồn nguyên liệu khan hiếm này được dự báo sẽ tăng mạnh trong tương lai. Điều này tác động rất lớn tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải nói chung, cũng như đối với các hãng tàu, vận tải biển, khai thác cảng nói riêng. Để có thể hạn chế được tối đa rủi ro về nguyên liệu, trong thời gian tới, Cảng Nghệ Tĩnh cần đưa ra những dự báo về thị trường, dự báo về mức giá để chủ động hơn về nguồn nguyên nhiên liệu phục vụ hoạt động kinh doanh khai thác cảng của Công ty.

+ **Rủi ro về dịch bệnh:** Do tình hình phức tạp của Dịch Covid 19 kéo dài xuyên suốt trong năm 2021. Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của Nhà nước liên quan đến phòng chống dịch bệnh. Năm 2022 dịch bệnh vẫn còn đang diễn biến phức tạp ở cả trong và ngoài nước.

+ **Rủi ro khác:** Các rủi ro khác nằm ngoài khả năng dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hoả hoạn, dịch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

Đặc biệt đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng thì các rủi ro như thiên tai, bão lũ sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Doanh nghiệp.



## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện năm 2021	So sánh (%) thực hiện 2021 với	
					Kế hoạch 2021 (%)	Thực hiện 2020 (%)
Sản lượng	Tấn	4.286.987	4.400.000	4.649.622	105,67	108,46
Doanh thu	Triệu đồng	205.810	205.000	221.704	108,15	107,72
Lợi nhuận	Triệu đồng	12.940	14.500	19.532	134,70	150,94

#### \* Sản lượng hàng hoá thông qua Cảng

- Sản lượng hàng hóa thông qua năm 2021 đạt 4.649.622 tấn, tăng 8,46% so với năm 2020, đạt 105,67% so với kế hoạch.

Trong đó:

+ Hàng xuất khẩu đạt 1.048.282 tấn, tăng 12,26% so với năm 2020.

+ Hàng quá cảnh đạt 485.895 tấn, tăng 2,16% so với năm 2020.

+ Hàng nhập khẩu đạt 716.683 tấn, tăng 78,32% so với năm 2020.

+ Hàng nội địa đạt 2.398.762 tấn, giảm 3,10% so với năm 2020.

+ Hàng container đạt 86.449 TEU tương đương 1.419.326 tấn giảm 13,17% so với năm 2020.

- Sản lượng hàng hoá bốc xếp năm 2021 đạt 8.989.055 tấn tăng 6,56% so với năm 2020, đạt 106,38% so với kế hoạch.

### 2. Tổ chức và nhân sự

\* Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày sinh	Trình độ học vấn	Quê quán	CMND	Số cổ phần có quyền biểu quyết
-----	-----------	---------	-----------	------------------	----------	------	--------------------------------



1	Ông Bùi Kiều Hưng	Phó Tổng giám đốc	19/9/1972	Thạc sỹ	Xã Hợp Thành, H.Thủy Nguyên, Hải Phòng	181937164	15.925
2	Ông Trần Văn Đạt	Phó Tổng giám đốc	20/8/1963	Thạc sỹ	Xã Đại Lộc, H.Can Lộc. Hà Tĩnh	182000153	32.150
3	Ông Nguyễn Danh Hải	Phó Tổng giám đốc	20/8/1963	Thạc sỹ	P. Hưng Dũng, TP Vinh, Nghệ An	181987650	6.600
4	Ông Trần Nam Hải	Phó Tổng giám đốc	20/8/1963	Thạc sỹ	Phường Bến Thủy, TP Vinh, Nghệ An	182001892	11.100
5	Nguyễn Xuân Hùng	Kế toán trưởng	25/01/1980	Thạc sỹ	Xã Diên Thái, H.Diễn Châu, Nghệ An	182349557	20.740

- Những thay đổi trong ban điều hành trong năm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	CMND	Ngày thôi giữ chức	Ngày bỏ nhiệm
1	Ông Nguyễn Danh Hải	Phó Tổng giám đốc	181987650		11/10/2021
2	Ông Trần Nam Hải	Phó Tổng giám đốc	182001892		11/10/2021

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số lao động 461 người; và trong năm không có thay đổi lớn trong chính sách đối với người lao động.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### a) Các dự án đầu tư

Các dự án đã thực hiện, được tiến hành đúng các quy trình, thủ tục đầu tư theo các quy định của pháp luật và công ty. Các dự án hoàn thành được đưa vào sử dụng đảm bảo hiệu quả cho hoạt động SXKD của Công ty.

TT	Hạng mục	Đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2021	Thực hiện năm 2021
<b>Tổng cộng</b>		<b>Tr.đồng</b>	<b>41.780</b>	<b>27.495</b>
<b>Dự án đầu tư xây dựng cơ bản</b>		<b>Tr.đồng</b>	<b>12.800</b>	<b>3.802</b>

<b>Dự án mua sắm thiết bị</b>		<b>Tr.đồng</b>	<b>28.980</b>	<b>23.693</b>
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp từ năm 2020 sang năm 2021</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>19.080</b>	<b>18.085</b>
<b>I.1</b>	<b>Dự án đầu tư xây dựng cơ bản</b>	<b>Tr.đồng</b>	-	-
<b>I.2</b>	<b>Dự án mua sắm thiết bị</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>19.080</b>	<b>18.085</b>
1	Đầu tư 06 Xe ô tô 25-30 tấn	Tr.đồng	8.000	6.981
2	Đầu tư 02 Xe nâng chui container 5 Tấn	Tr.đồng	2.500	2.490
3	Đầu tư mới 01 cầu chân đế 40 tấn tại Cảng Cửa Lò (hoán cải chân đế số 2 tại cầu 4, chuyển sang cầu 2 lắp đặt trụ cố định mới)	Tr.đồng	8.580	8.614
<b>II</b>	<b>Dự án khởi công năm 2021</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>22.700</b>	<b>9.410</b>
<b>II.1</b>	<b>Dự án đầu tư xây dựng cơ bản</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>12.800</b>	<b>3.802</b>
1	Dự án nâng cấp đường bãi chứa hàng	Tr.đồng	4.800	3.802
2	Dự án: nhà kho 9.000m <sup>2</sup>	Tr.đồng	8.000	Thực hiện năm 2022
<b>II.2</b>	<b>Dự án mua sắm thiết bị</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>9.900</b>	<b>5.608</b>
1	Dự án đầu tư mới 01 Cầu cầu chân đế 40-45 tấn cố định tại cầu 3 XNXD Cửa Lò	Tr.đồng	1.000	Thực hiện năm 2022
2	Dự án mua sắm 02 Máy xúc lật 3-3,5m <sup>3</sup>	Tr.đồng	3.000	2.560
3	Băng tải hàng rời (02 cái)	Tr.đồng	1.000	Không thực hiện
4	Ben hàng rời các loại	Tr.đồng	1.200	752
5	Máy quét bụi	Tr.đồng	700	371
6	Đầu tư khác (Trang thiết bị, công cụ dụng cụ, phần mềm... phục vụ sản xuất kinh doanh)	Tr.đồng	3.000	1.925

*- Trong năm 2021 Công ty đã triển khai hoàn thành các Dự án đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư mua sắm thiết bị cụ thể như sau:*

+ Dự án đầu tư Nâng cấp đường bãi chứa hàng với tổng mức đầu tư 4,8 tỷ đồng đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trong quý 4 năm 2021;



+ Dự án đầu tư 06 xe ô tô 25-30 tấn với tổng mức đầu tư 8 tỷ đồng đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trong tháng 11 năm 2021;

+ Dự án đầu tư mua sắm 02 máy xúc lật 3-3,5m<sup>3</sup> với tổng mức đầu tư 3 tỷ đồng đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trong tháng 8 năm 2021;

+ Dự án đầu tư mua sắm Ben hàng rời các loại với tổng mức đầu tư 1,2 tỷ đồng đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trong tháng 9 năm 2021;

+ Dự án đầu tư 01 máy hút bụi với tổng mức đầu tư 0,7 tỷ đồng đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trong tháng 11 năm 2021;

+ Các dự án đầu tư khác như mua sắm công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất kinh doanh với tổng mức đầu tư 3 tỷ đồng đã được Công ty triển khai từ tháng 5 năm 2021 đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

+ Dự án đầu tư 02 xe nâng chui container 5 tấn với tổng mức đầu tư 2,5 tỷ đồng, đã hoàn thành bước lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng với nhà cung cấp, dự kiến bàn giao thiết bị và đưa vào sử dụng trong tháng 4/2022;

+ Dự án đầu tư mới 01 cầu chân đế 40-45 tấn (Hoán cải cầu CD 2 cầu 4 chuyển sang cầu 2 lắp trụ cố định mới) với tổng mức đầu tư 30 tỷ đồng và kế hoạch vốn được phê duyệt trong năm 2021 là 8.580 triệu đồng. Đã triển khai xong lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 1, 2 và đang tiếp tục triển khai gói số 3. Dự kiến hoàn thành dự án vào 30/07/2022.

**- Các dự án chuyển tiếp sang năm 2022 có kế hoạch vốn đầu tư được phê duyệt trong năm 2021**

+ Dự án đầu tư dự án: nhà kho 9.000m<sup>2</sup> với tổng mức đầu tư đã được điều chỉnh là 38.124 triệu đồng và kế hoạch vốn được phê duyệt trong năm 2021 là 8 tỷ đồng, đã hoàn thành việc lập báo cáo nghiên cứu khả thi và xin chủ trương đầu tư; Việc lựa chọn nhà thầu và tiến hành thi công xây dựng sẽ được triển khai và hoàn thành trong năm 2022.

+ Dự án đầu tư mới 01 cần cầu chân đế 40-45 tấn tại cầu 3 XNXD Cửa Lò với tổng mức đầu tư đã được điều chỉnh là 32.982 triệu đồng và kế hoạch vốn được phê duyệt trong năm 2021 là 1 tỷ đồng, đã hoàn thành việc lập báo cáo nghiên cứu khả thi và xin chủ trương đầu tư; Việc lựa chọn nhà thầu và tiến hành thi công xây dựng sẽ được triển khai và hoàn thành trong năm 2022.

**- Dự án không triển khai thực hiện trong năm 2021.**

Dự án đầu tư 02 băng tải làm hàng rời, dự án này đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua phê duyệt kế hoạch đầu tư; tuy nhiên xét trong điều kiện sản xuất kinh doanh thực tế của năm 2021, cơ cấu của các mặt hàng bao 25 – 50kg có khối lượng không lớn như kỳ vọng mà các băng tải hiện có đang đảm bảo công suất xếp dỡ do đó Công ty đề xuất không tiến hành đầu tư hạng mục này.

Như vậy, trong năm 2021 Công ty đã cơ bản hoàn thành các dự án đầu tư theo kế hoạch đề ra, tình hình thực hiện vốn đầu tư trong năm theo kế hoạch là 31.780 triệu đồng và thực tế thực hiện là: 27.495 triệu đồng; do đó các dự án đã thực hiện tiết kiệm được 4.285 triệu đồng.

**b) Các công ty con, công ty liên kết.**

STT	Tên Công ty	Công ty con/liên kết	Vốn điều lệ thực góp (1.000 đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Thời điểm góp vốn	Lợi nhuận trong năm (triệu đồng)
1	Công ty CP Lai dất và dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Liên kết	4.860.000	36	01/04/2016	1.445

- Về tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn:

Công ty CP lai dất và dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò đã thực hiện các chế độ quản lý, sử dụng vốn và tài sản đúng các quy định tài chính và chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước. Đến hết năm 2021 thì nguồn vốn góp của Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh vẫn được bảo toàn và sử dụng có hiệu quả.

- Lợi nhuận thu về từ hoạt động đầu tư:

Năm 2021 Công ty đã thu về cổ tức của năm 2020 tại Công ty CP Lai dất và dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò là: 1.445 triệu đồng; dự kiến mức lợi nhuận năm 2020 thu về là hơn 1,5 tỷ đồng.

Như vậy hoạt động đầu tư vào Công ty liên kết hiện tại đang đảm bảo tốt công tác bảo toàn phát triển vốn và lợi nhuận thu về cho Công ty

**4. Tình hình tài chính**

**a) Tình hình tài chính**

Chỉ tiêu	Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	So sánh 2021/2020 (%)
Tổng giá trị tài sản	275.911	273.983	99,30
Doanh thu thuần	195.558	213.792	109,32
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.740	17.704	202,56
Lợi nhuận khác	4.199	1.828	43,53
Lợi nhuận trước thuế	12.940	19.532	150,94
Lợi nhuận sau thuế	11.166	15.827	141,74
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức dự kiến (Đồng/Cổ phiếu)	800	550	68,75



**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,74	2,05	
+ Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2,71	1,99	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,15	0,16	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,17	0,18	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quần	92,04	72,86	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,71	0,78	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,06	0,074	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,05	0,068	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,04	0,058	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,045	0,083	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

*a) Cổ phần*

Tổng số Cổ phần	Cổ phần tự do chuyển nhượng	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Ghi chú
21.517.200	14.965.913	6.551.287	

*b) Cơ cấu cổ đông*

- Cơ cấu cổ đông phân theo tỷ lệ sở hữu

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
<b>Cổ đông lớn (02 cổ đông)</b>		<b>15.567.928</b>	<b>72,35</b>	
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty TNHH Một	10.973.772	51	



	thành viên			
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	4.594.156	21,35	
<b>Cổ đông nhỏ (558 cổ đông)</b>		<b>5.949.272</b>	<b>27,65</b>	
<b>Tổng cộng</b>		<b>21.517.200</b>	<b>100</b>	

- Cơ cấu cổ đông phân theo tổ chức và cá nhân trong nước (không có cổ đông nước ngoài)

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
<b>Cổ đông là tổ chức (04 cổ đông)</b>		<b>16.219.704</b>	<b>75,38</b>	
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên	10.973.772	51	Cổ đông Nhà nước
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	4.594.156	21,35	
3	Công đoàn Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	645.516	3	
4	Công ty TNHH TM Nông lâm Trà Lân	4.060	-	
5	Công ty TNHH TRAN DRAGON HOLDINGS	1.000	-	
6	Công ty TNHH Việt Maritime Holdings	1.200	-	
<b>Cổ đông là cá nhân (556 cổ đông)</b>		<b>5.297.496</b>	<b>24,62</b>	
<b>Tổng cộng</b>		<b>21.517.200</b>	<b>100</b>	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **6.1. Tác động lên môi trường:**

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Giảm thiểu sử dụng các phương tiện thiết bị đã cũ và thay thế bằng các phương tiện thiết bị hiện đại; sử dụng nhiều hơn các tra thiết bị hoạt động bằng điện. Công ty đã sửa chữa cơ sở hạ tầng, quy hoạch các vị trí dành không gian nhiều hơn để nói rộng không gian xanh tại các đơn vị sản xuất, đặc biệt là tại XNXD Cửa Lò; chi phí bỏ ra để cải thiện không gian xanh trong năm 2021 là gần 1 tỷ đồng.

### **6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm. Với đặc thù là doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm dịch vụ nên lượng nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong chi phí SXKD của Công ty, tương ứng 5% tổng chi phí SXKD; đây chính là chi phí công cụ dụng cụ sản xuất.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Do đặc thù ngành nghề kinh doanh dịch vụ nên Công ty không có sử dụng nguyên vật liệu tái chế.

### **6.3. Tiêu thụ năng lượng**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Điện năng tiêu thụ ước chừng trong năm cho bộ phận trực tiếp là 1.300 nghìn KWh và bộ phận gián tiếp là: 100 nghìn KWh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có các sáng kiến tiết kiệm năng lượng hiệu quả

### **6.4. Tiêu thụ nước**

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn nước tiêu thụ được cung cấp từ các Nhà máy nước trên địa bàn, với lượng nước sử dụng trong năm khoảng: 20.600 m<sup>3</sup>, lượng nước này sử dụng với mục đích cung cấp nước sạch cho tàu và nước sinh hoạt.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng. Không có

### **6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có vi phạm

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

### **6.6. Chính sách liên quan đến người lao động**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động: 461
- Mức lương trung bình đối với người lao động: 13.246.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Chính sách chăm sóc sức khỏe của Công ty được quan tâm để cán bộ nhân viên luôn có được thể trạng tốt nhất từ đó phát huy tính sáng tạo, nâng cao hiệu quả công việc. Hàng năm, Công ty tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ, phân loại lao động để có kế hoạch chăm sóc, tổ chức nghỉ dưỡng, phục hồi sức khỏe cho người lao động. Khuyến khích cán bộ nhân viên rèn luyện sức khỏe thông qua các phong trào thể dục thể thao. Cải tạo môi trường làm việc thoáng mát, chống ồn, giảm bụi bặm, tổ chức các lớp học an toàn lao động cho tất cả các đối tượng trong toàn Công ty. Vào mùa hè, tổ chức tham quan nghỉ mát du lịch, bồi dưỡng cung cấp nước đá cho người lao động trong mùa hè nóng nực.

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty thực hiện theo đúng qui định pháp luật và đảm bảo toàn thể cán bộ công nhân viên đều được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm. Nhiều năm liền Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh thực hiện tốt công tác bảo hiểm và nhận bằng khen của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Nghệ An. Thực hiện xây dựng và ban hành Hệ thống thang bảng lương, mức lương theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:  
Bình quân số giờ đào tạo mỗi năm là 320 giờ/năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động:

Tổ chức đào tạo, đào tạo lại và tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng làm việc để nâng cao trình độ tay nghề, nghiệp vụ cho người lao động để đáp ứng tốt yêu cầu đòi hỏi yêu cầu sản xuất kinh doanh.

**6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Trong năm 2021 Công ty đã chi hỗ trợ, ủng hộ các Quỹ tại địa phương và cộng đồng với tổng số tiền là 2.657.809.000 đồng.

**6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN**

Công ty chưa có hoạt động liên quan đến thị trường vốn xanh

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

- \* Khó khăn, vướng mắc

- Đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, kéo dài trên diện rộng của cả nước và địa bàn tỉnh Nghệ An, cũng như tất cả quốc gia trên thế giới. Nền kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái nghiêm trọng, trong đó có Việt Nam.

- Tàu cá của ngư dân vẫn thường xuyên chiếm dụng cầu cảng Cửa Lò làm nơi neo đậu, gây cản trở đến việc khai thác cầu bến, an toàn hàng hải và an ninh trật tự trên bến cảng.

- Luồng ra vào Cảng Cửa Lò, Cảng Bến Thủy và vùng nước trước bến thường xuyên bị bồi lắng, không đảm bảo theo thiết kế, việc duy tu nạo vét khó triển khai do khó khăn trong việc xin vị trí nhân chìm, chủ trương đối với dự án duy tu nạo vét luồng ra vào cảng và gây tổn kém chi phí duy tu bảo dưỡng khu nước trước bến hàng năm.

- Khu vực khai thác của cảng Cửa Lò có rất nhiều dân cư tập trung sinh sống xung quanh nên đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng như: một số mặt hàng không thể tổ chức sản xuất 24h/24h theo thông lệ quốc tế (do tiếng ồn như mặt hàng đá rời, container...); một số mặt hàng gây ra bụi bẩn (than rời, quặng sắt, sỏi lát...) trong quá trình xếp dỡ hàng nên rất khó khăn trong việc quy hoạch bãi chứa hàng và tổn kém nhiều chi phí.

- Do đặc thù là Cảng tổng hợp nên hàng hóa thông qua nhiều chủng loại như: hàng container, hàng rời, hàng bao, hàng lỏng, hàng thiết bị...; lượng hàng phân tán nhỏ lẻ nên việc đầu tư các phương tiện, thiết bị phục vụ khai thác gặp rất nhiều khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Sự cạnh tranh khốc liệt giữa các cảng trong khu vực, một phần hàng hóa từ Nghệ An chạy qua cảng khu vực Nghi Sơn và chia sẻ hàng hóa từ Lào với cảng khu vực Hà Tĩnh do bất lợi về khoảng cách vận chuyển đường bộ, cũng như khả năng tiếp nhận các tàu có trọng tải lớn bị hạn chế.

**\* Kết quả đạt được:**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	So sánh (%) thực hiện 2021 với	
					KH năm 2021	Thực hiện 2020
<b>Sản lượng HHTQ</b>	<b>Tấn</b>	<b>4.286.987</b>	<b>4.400.000</b>	<b>4.649.622</b>	<b>105,67</b>	<b>108,46</b>
- Hàng xuất khẩu	"	933.832	800.000	1.048.282	131,04	112,26
- Hàng nhập khẩu	"	401.913	400.000	716.683	179,17	178,32
- Hàng quá cảnh	"	475.629	550.000	485.895	88,34	102,16
- Hàng nội địa	"	2.475.613	2.650.000	2.398.762	90,52	96,90
<b>Sản lượng HHBX</b>	<b>Tấn</b>	<b>8.435.883</b>	<b>8.450.000</b>	<b>8.989.055</b>	<b>106,38</b>	<b>106,56</b>

Doanh thu	Tr.đ	205.809	205.000	221.704	108,15	107,72
Chi phí	Tr.đ	192.869	190.500	202.172	106,13	104,82
Lợi nhuận TT	Tr.đ	12.940	14.500	19.532	134,70	150,94
Nộp ngân sách	Tr.đ	12.792		10.432		81,55

## 2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Tổng số lượng: 216 tài sản, trong đó:

Hạng mục	Số Lượng	Nguyên Giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
Tài sản vô hình	1	395.862.000	0
Tài sản hữu hình	229	569.646.373.214	176.947.067.053
+ Dụng cụ quản lý	7	723.286.818	189.556.503
+ Máy móc, thiết bị động lực	19	16.237.845.130	3.544.479.926
+ Thiết bị, phương tiện vận tải xếp dỡ	80	226.393.691.916	115.419.620.617
+ Nhà cửa vật kiến trúc	48	308.913.926.417	49.908.037.061
+ Tài sản cố định khác	75	17.377.622.933	7.885.372.946
<b>Tổng cộng</b>	<b>230</b>	<b>570.042.235.214</b>	<b>176.947.067.053</b>

- Biến động tăng giảm tài sản:

Hạng mục	Biến động tăng (đồng)	Biến động giảm (đồng)
Tài sản vô hình	-	-
Tài sản hữu hình	55.820.882.136	7.099.753.546
+ Dụng cụ quản lý	-	-
+ Máy móc, thiết bị động lực	2.089.090.909	-
+ Thiết bị, phương tiện vận tải xếp dỡ	38.462.610.247	5.295.961.465
+ Nhà cửa vật kiến trúc	13.462.367.832	1.667.380.000





+ Tài sản cố định khác	1.806.813.148	136.412.081
<b>Tổng cộng</b>	<b>55.820.882.136</b>	<b>7.099.753.546</b>

- Đánh giá Hệ số hao mòn TSCĐ = Giá trị khấu hao/Nguyên giá = 0,7; Hệ số đổi mới TSCĐ = TSCĐ mới trong năm/Nguyên giá TSCĐ x 100% = 9,8%; các hệ số này cho thấy Tài sản cố định nhìn chung là cũ, và công ty đang chú trọng hơn đến công tác đầu tư xây dựng và mua sắm mới TSCĐ.

- Đánh giá Hiệu suất sử dụng TSCĐ = Doanh thu thuần trong kỳ/Nguyên giá TSCĐ bình quân = 0,39; Chỉ tiêu này cho thấy cứ mỗi đồng tài sản tạo ra 0,39 đồng doanh thu thuần.

- Đánh giá Tỷ suất sinh lời TSCĐ = Lợi nhuận ròng/Nguyên giá TSCĐ bình quân = 0,032; Chỉ tiêu này cho thấy cứ mỗi đồng tài sản tạo ra 0,032 đồng lợi nhuận ròng.

#### b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Hệ số nợ = Nợ phải trả/Tổng tài sản = 0,16. Các khoản nợ đều nằm trong thời hạn thanh toán và không có nợ quá hạn.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay. Hiện tại Công ty không có nợ xấu phải trả và các hoạt động kinh doanh có nguồn thu từ Ngoại tệ chịu sự ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Thực hiện chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh về việc sắp xếp tổ chức nhằm nâng cao hiệu quả SXKD để đáp ứng với cơ chế thị trường ngày càng cạnh tranh khắc nghiệt, sau khi các cảng trong khu vực đã đi vào khai thác (Cụm Cảng Nghi Sơn, Cảng Nghi Thiết, bến 5 Cảng Cửa Lò...). Một số mặt hàng bị san sẻ (Đá hộc, gỗ dăm, container, clinker, than...) do yếu tố cạnh tranh giảm giá cước xếp dỡ để thu hút khách hàng tại các cảng trong khu vực, bên cạnh đó yếu tố địa lý, quãng đường vận chuyển hàng hóa thuận lợi... kết hợp với sự giải quyết thông thoáng các yếu tố liên quan đến hàng hóa, vận tải... của các cơ quan chức năng tại các tỉnh lân cận là lý do để khách hàng rời cảng để ra đi.

Mục tiêu lấy khách hàng làm trung tâm, chăm sóc khách hàng, giữ chân khách hàng truyền thống và phát triển khách hàng mới là mục tiêu hàng đầu trong công tác SXKD của Công ty.

Nhằm thích nghi với sự thay đổi của môi trường kinh doanh và từng bước chủ động trong SXKD, xếp dỡ hàng hóa, giải phóng tàu nhanh, tìm kiếm việc làm và nâng cao hiệu

quả sản xuất, đáp ứng với cơ chế thị trường ngày càng cạnh tranh khốc liệt thì việc xây dựng chiến lược về con người, lấy con người làm trung tâm tại công ty là hết sức cần thiết.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Phần đầu trở thành một trong những Công ty khai thác cảng biển hàng đầu trong khu vực Bắc Trung Bộ về lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ hàng container.

- Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh cam kết cung cấp dịch vụ cảng biển tốt nhất, giúp khách hàng đạt được mục tiêu trong chiến lược kinh doanh bền vững, lâu dài.

- Công ty luôn đánh giá sự thành công thông qua các yếu tố như: chất lượng dịch vụ tốt, an toàn trong xếp dỡ hàng hóa và giá thành hợp lý. Đặc biệt là sự thành công của các khách hàng và các đối tác liên quan.

#### - Giá trị cốt lõi

“*Uy tín - Chất lượng - Hiệu quả*” Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh luôn làm hài lòng các khách hàng.

#### 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

#### 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh với 2 Xí nghiệp trực thuộc là Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò (Cảng Cửa Lò) và Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy (Cảng Bến Thủy) hàng năm đều được thực hiện công tác Quan trắc môi trường hàng quý theo các quy định của Nhà nước.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty thường xuyên quan tâm đến môi trường làm việc của người lao động và thuê các đơn vị chức năng thực hiện Báo cáo về việc Quan trắc môi trường lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Năm 2021, Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh đã chung tay hỗ trợ cuộc phát động “Tết vì người nghèo năm 2021” do Tỉnh ủy, UBND tỉnh Nghệ An kêu gọi với tổng số tiền là 155 triệu đồng; Quỹ đền ơn đáp nghĩa: 74.429.000 đồng; Hỗ trợ Trường THCS Đội Cung Đô Lương: 100 triệu đồng; Hỗ trợ công nhân các Tỉnh phía Nam: 86,6 triệu đồng; Hỗ trợ phòng chôn thiên tai lũ lụt: 6 triệu đồng; Tham gia hỗ trợ phòng chống dịch Covid 19: 2.235,4 triệu đồng. Tổng số tiền Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh đã tham gia công tác xã hội năm 2020 là: 2.657.809.000 đồng.

#### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

##### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện năm 2021	So sánh (%) thực hiện 2021 với	
					Kế hoạch	Thực hiện

					2021 (%)	2020 (%)
<b>Sản lượng</b>	Tấn	4.286.987	4.400.000	4.649.622	105,67	108,46
<b>Doanh thu</b>	Triệu đồng	205.810	205.000	221.704	108,15	107,72
<b>Lợi nhuận</b>	Triệu đồng	12.940	14.500	19.532	134,70	150,94

- **Sản lượng** Sản lượng hàng hóa thông qua năm 2021 đạt 4.649.622 tấn, tăng 8,46% so với năm 2020, đạt 105,67% so với kế hoạch. Sản lượng hàng hoá bốc xếp năm 2021 đạt 8.989.055 tấn tăng 6,56% so với năm 2020, đạt 106,38% so với kế hoạch.

- **Doanh thu** từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 đạt 221.704 triệu đồng tăng 7,72% so với doanh thu năm 2020, đạt 108,15% so với kế hoạch.

- **Lợi nhuận** trước thuế đạt 19.532 triệu đồng, tăng 50,94% so với năm 2020.

- **Công tác đầu tư:** Các dự án đã thực hiện, được tiến hành đúng các quy trình, thủ tục đầu tư theo các quy định của pháp luật và công ty. Các dự án hoàn thành được đưa vào sử dụng đảm bảo hiệu quả cho hoạt động SXKD của Công ty

- **Công tác tài chính:** Công tác quản lý tài chính trong năm 2021 luôn được chú trọng đúng mức, công tác kiểm toán, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong xây dựng cơ bản thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo điều lệ, quy định của pháp luật. Thực hiện tốt công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật đối với công ty niêm yết.

- **Công tác môi trường và trách nhiệm xã hội:** Mặc dù do đặc thù của công tác sản xuất chung, hàng hóa thông qua Cảng là các mặt hàng tổng hợp thường xuyên gây ra bụi làm tác động đến môi trường nhưng Công ty cũng đã rất cố gắng và có rất nhiều giải pháp trong việc hạn chế những ảnh hưởng này. Tuy nhiên trong tương lai Công ty sẽ cần có biện pháp tối ưu hơn nữa để hạn chế tối đa sự ảnh hưởng đến môi trường và đồng thời xây dựng môi trường xanh cho Cảng.

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2021 các thành viên Ban điều hành và cán bộ quản lý công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình trong việc sử dụng và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của công ty, tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, các chế độ chính sách với người lao động

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Căn cứ vào dự báo tình hình thị trường ở khu vực trong thời gian tới; Hội đồng quản trị định hướng kế hoạch SXKD năm 2022 như sau:

### Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận:

- Sản lượng: 4.100.000 tấn

- Doanh thu thuần: 165.726 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 16.000 triệu đồng

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Trong năm 2021 đã có sự biến động trong nhân sự của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27/4/2021; cụ thể như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội miễn nhiệm.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày không còn là thành viên HĐQT
1	Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Thành viên HĐQT	27/4/2021

- Thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội bầu bổ sung Hội đồng quản trị.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT
1	Ông Nguyễn Thạc Hoài	Thành viên HĐQT	27/4/2021

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị. Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất đại diện cho quyền lợi các cổ đông; trong năm 2021, HĐQT đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ theo chuẩn mực quản trị của Công ty Cổ phần. Hội đồng quản trị tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định và có sự phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT trong từng lĩnh vực hoạt động cụ thể. Các thành viên HĐQT đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia các ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của HĐQT cũng như cho ý kiến đầy đủ tại các phiếu lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT. HĐQT đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm 2021 Hội đồng quản trị đã tiến hành 05 cuộc họp Hội đồng quản trị và thực hiện 15 lần lấy ý kiến bằng văn bản; tại các cuộc họp và lấy ý kiến này Hội đồng quản trị đã ban hành 13 Nghị quyết, 30 Quyết định; cụ thể như sau:



Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
I	Nghị Quyết			
1	Nghị quyết số: 34/NQ-HĐQT	29/01/2021	<p>Đồng ý bổ nhiệm lại cán bộ Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ nhiệm lại ông Trần Văn Đạt, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh, giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.</li> <li>- Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Xuân Hùng, Kế toán trưởng Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh, giữ chức Kế toán trưởng Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh.</li> <li>- Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán theo Nội dung Tờ trình số 43/CNT-TTr ngày 19/02/2021 của Tổng giám đốc (có Tờ trình và Báo cáo tài chính kèm theo).</li> </ul>	100%
2	Nghị quyết số: 61/NQ-HĐQT	01/3/2021		100%
3	Nghị quyết số: 100/NQ-HĐQT	12/4/2021	<p>Đồng ý để Người đại diện phần vốn của Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh tại Công ty CP Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 các nội dung sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020; Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2016 – 2021 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021 – 2026 của Hội đồng quản trị; Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.</li> <li>2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020: Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối là: 4.323.550.195 đồng; trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (4%): 172.942.009 đồng</li> <li>- Trích quỹ thưởng ban điều hành (2,5%): 108.088.755 đồng</li> <li>- Trả cổ tức bằng tiền mặt: 4.042.519.431 đồng</li> </ul> </li> <li>3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, cụ thể:</li> </ol>	100%

4	Nghị quyết số: 118/NQ-HDQT	05/5/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lao động: 28 người</li> <li>- Doanh thu: 24.259 triệu đồng</li> <li>- Lợi nhuận trước thuế: 4.893 triệu đồng</li> <li>- Chi trả cổ tức năm 2021: 28% vốn điều lệ</li> </ul> <p>4. Tổng kế hoạch thù lao năm 2021 là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thù lao của Chủ tịch HĐQT: 10.000.000 đồng/tháng</li> <li>- Thù lao của thành viên HĐQT: 5.000.000 đồng/người/tháng</li> </ul> <p>5. Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán và tư vấn ACA Miền Trung là đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2021.</p> <p>6. Thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty CP Lai dất và dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò</p> <p>7. Đồng ý biểu quyết tại cuộc Họp Hội đồng quản trị Công ty CP Lai dất và dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò bổ nhiệm ông Hoàng Tất Thắng làm Giám đốc công ty nhiệm kỳ 2021 - 2026.</p> <p>- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021 của Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh; cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Về Kế hoạch SXKD</li> </ul>	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 5%;">TT</th> <th style="width: 45%;">Hạng mục</th> <th style="width: 15%;">Đơn vị</th> <th style="width: 35%;">Kế hoạch 2021</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Lao động</td> <td>Người</td> <td>472</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Sản lượng hàng hóa thông qua</td> <td>Tấn</td> <td>4.400.000</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Doanh thu</td> <td>Triệu đồng</td> <td>205.000</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Lợi nhuận</td> <td>"</td> <td>14.500</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Cổ tức (4,5%)</td> <td>VNĐ/CP</td> <td>450</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Về Kế hoạch đầu tư</li> </ul> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 20%;">TT</th> <th style="width: 40%;">Hạng mục</th> <th style="width: 20%;">Đơn vị</th> <th style="width: 20%;">Tổng mức đầu tư</th> <th style="width: 10%;">Kế hoạch vốn năm 2020</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td>2020</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Hạng mục	Đơn vị	Kế hoạch 2021	1	Lao động	Người	472	2	Sản lượng hàng hóa thông qua	Tấn	4.400.000	3	Doanh thu	Triệu đồng	205.000	4	Lợi nhuận	"	14.500	5	Cổ tức (4,5%)	VNĐ/CP	450	TT	Hạng mục	Đơn vị	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020					2020
TT	Hạng mục	Đơn vị	Kế hoạch 2021																																			
1	Lao động	Người	472																																			
2	Sản lượng hàng hóa thông qua	Tấn	4.400.000																																			
3	Doanh thu	Triệu đồng	205.000																																			
4	Lợi nhuận	"	14.500																																			
5	Cổ tức (4,5%)	VNĐ/CP	450																																			
TT	Hạng mục	Đơn vị	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020																																		
				2020																																		

<b>Tổng cộng</b>				<b>Tr.đồng</b>	<b>113.349</b>	<b>41.780</b>
<b>Dự án đầu tư xây dựng cơ bản</b>				<b>Tr.đồng</b>	<b>34.300</b>	<b>12.800</b>
<b>Dự án mua sắm thiết bị</b>				<b>Tr.đồng</b>	<b>79.049</b>	<b>28.980</b>
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp từ năm 2020 sang năm 2021</b>			<b>Tr.đồng</b>	<b>40.149</b>	<b>19.080</b>
<b>I.1</b>	<b>Dự án đầu tư xây dựng cơ bản</b>			<b>Tr.đồng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>I.2</b>	<b>Dự án mua sắm thiết bị</b>			<b>Tr.đồng</b>	<b>40.149</b>	<b>19.080</b>
1	Đầu tư 06 Xe ô tô 25-30 tấn			Tr.đồng	8.000	8.000
2	Đầu tư 02 Xe nâng chui container 5 Tấn			Tr.đồng	2.500	2.500
3	Đầu tư mới 01 cầu chân đế 40 tấn tại Cảng Cửa Lò (hoán cải chân đế số 2 tại cầu 4, chuyển sang cầu 2 lắp đặt trụ cố định mới)			Tr.đồng	29.649	8.580
<b>II</b>	<b>Dự án khởi công năm 2021</b>			<b>Tr.đồng</b>	<b>73.200</b>	<b>22.700</b>
<b>II.1</b>	<b>Dự án đầu tư xây dựng cơ bản</b>			<b>Tr.đồng</b>	<b>34.300</b>	<b>12.800</b>
1	Dự án nâng cấp đường bãi chứa hàng			Tr.đồng	4.800	4.800
2	Dự án: nhà kho 9.000m <sup>2</sup>			Tr.đồng	29.500	8.000
<b>II.2</b>	<b>Dự án mua sắm thiết bị</b>			<b>Tr.đồng</b>	<b>38.900</b>	<b>9.900</b>
1	Dự án đầu tư mới 01 Cầu cầu chân đế 40-45 tấn cố định tại cầu 3 XNXX Cửa Lò			Tr.đồng	30.000	1.000
2	Dự án mua sắm 02 Máy xúc lật 3-3,5m <sup>3</sup>			Tr.đồng	3.000	3.000
3	Băng tải hàng rời (02 cái)			Tr.đồng	1.000	1.000

				<table border="1"> <tr> <td data-bbox="178 1406 258 1556">4</td> <td data-bbox="178 766 258 1406">Ben hàng rời các loại</td> <td data-bbox="178 600 258 766">Tr.đồng</td> <td data-bbox="178 434 258 600">1.200</td> <td data-bbox="178 250 258 434">1.200</td> </tr> <tr> <td data-bbox="258 1406 338 1556">5</td> <td data-bbox="258 766 338 1406">Máy quét bụi</td> <td data-bbox="258 600 338 766">Tr.đồng</td> <td data-bbox="258 434 338 600">700</td> <td data-bbox="258 250 338 434">700</td> </tr> <tr> <td data-bbox="338 1406 454 1556">6</td> <td data-bbox="338 766 454 1406">Đầu tư khác (Trang thiết bị, công cụ dụng cụ, phần mềm... phục vụ sản xuất kinh doanh)</td> <td data-bbox="338 600 454 766">Tr.đồng</td> <td data-bbox="338 434 454 600">3.000</td> <td data-bbox="338 250 454 434">3.000</td> </tr> </table> <p data-bbox="454 766 667 1406">           - Thông qua trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2020 là: <b>1.872.826.533</b> (Một tỷ tám trăm bảy mươi hai triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn năm trăm ba mươi ba đồng), trong đó:            + Quỹ khen thưởng, phúc lợi là: 1.675.036.133 đồng.            + Quỹ thưởng Ban điều hành là: 197.790.400 đồng         </p>	4	Ben hàng rời các loại	Tr.đồng	1.200	1.200	5	Máy quét bụi	Tr.đồng	700	700	6	Đầu tư khác (Trang thiết bị, công cụ dụng cụ, phần mềm... phục vụ sản xuất kinh doanh)	Tr.đồng	3.000	3.000	
4	Ben hàng rời các loại	Tr.đồng	1.200	1.200																
5	Máy quét bụi	Tr.đồng	700	700																
6	Đầu tư khác (Trang thiết bị, công cụ dụng cụ, phần mềm... phục vụ sản xuất kinh doanh)	Tr.đồng	3.000	3.000																
5	Nghị quyết số: 161/NQ-HDQT	08/6/2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua chủ trương mua 01 xe ô tô phục vụ công tác theo nội dung Tờ trình số 151/TTr-CNT ngày 03/6/2021 của Tổng giám đốc</li> <li>- Thông qua lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị Kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2021 theo nội dung Tờ trình 150/TTr-CNT ngày 03/6/2021 của Tổng giám đốc</li> <li>- Thông qua Phê duyệt Quỹ lương thực hiện năm 2020 và Quỹ lương kế hoạch năm 2021 cụ thể như sau:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quỹ lương thực hiện năm 2020:                   <ul style="list-style-type: none"> <li>Quỹ lương của Người lao động: 57,537 tỷ đồng</li> <li>Quỹ lương của Người quản lý: 1,583 tỷ đồng</li> </ul> </li> <li>+ Quỹ lương kế hoạch năm 2021:                   <ul style="list-style-type: none"> <li>Quỹ lương của Người lao động: 63,174 tỷ đồng</li> <li>Quỹ lương của Người quản lý: 1,584 tỷ đồng</li> </ul> </li> </ul> </li> <li>- Thông qua chủ trương tuyển dụng Trợ lý Tổng giám đốc theo nội dung Tờ trình số 140/T.Tr-CNT ngày 31/5/2021 của Tổng giám đốc</li> <li>- Thông qua ủng hộ Quỹ vắc xin phòng Covid-19 với số tiền là 2 tỷ đồng</li> <li>- Thông qua thời gian chi trả cổ tức năm 2020, cụ thể:</li> </ul>	100%																



			<p>+ Thời gian chi trả: trong tháng 7 năm 2021.</p> <p>+ Mức chi trả cổ tức trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/CP): 800</p> <p>- Thông qua việc mua lập trung bảo hiểm tài sản, thiết bị theo nội dung Tờ trình số 152/CNT ngày 07/6/2021 của Tổng giám đốc.</p>	
6	Nghị quyết số: 199/NQ-HDQT	05/7/2021	Thông qua phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh giai đoạn 2021 – 2026.	100%
7	Nghị quyết số: 289/NQ-HDQT	09/8/2021	Thông qua phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2021 đã được kiểm toán	100%
8	Nghị quyết số: 292/NQ-HDQT	18/8/2021	Thông qua thống nhất về chủ trương bổ nhiệm 01 Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh và 01 Phó Tổng giám đốc phụ trách nội chính của Công ty	100%
8	Nghị quyết số: 300/NQ-HDQT	26/8/2021	<p>Thông qua phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của Gói thầu số 1: Cung cấp phân cầu và lắp ráp lên Chân đế số 2 tại cầu 4:</p> <p>- Các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, số điểm kỹ thuật:</p> <p>1. Liên danh nhà thầu Hải Hà - Avintech</p> <p>- Các nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, số điểm kỹ thuật: Không.</p>	100%
9	Nghị quyết số: 366/NQ-HDQT	11/10/2021	<p>Đồng ý bổ nhiệm cán bộ Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh cụ thể như sau:</p> <p>- Bổ nhiệm ông Nguyễn Danh Hải, Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh, phụ trách Kinh doanh;</p> <p>- Bổ nhiệm ông Trần Nam Hải, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ lao động Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh, phụ trách Nội</p>	100%

	chính.			
10	Nghị quyết số: 382/NQ-HĐQT	15/10/2021	Thông qua Chương trình hành động của Hội đồng quản trị Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh quý IV năm 2021 tại Phụ lục: Kế hoạch hành động quý IV/2021	100%
11	Nghị quyết số: 383/NQ-HĐQT	19/10/2021	Về Chương trình hành động triển khai Chiến lược Chuyển đổi số Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh giai đoạn 2021 – 2025	100%
12	Nghị quyết số: 404/NQ-HĐQT	25/10/2021	Đồng ý về chủ trương công tác bổ nhiệm cán bộ tại Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh theo nội dung Tờ trình số: 374/TTr-CNT ngày 11/10/2021 của Tổng giám đốc	100%
13	Nghị quyết số: 435/NQ-HĐQT	05/11/2021	<p>Đồng ý đề Tổng giám đốc Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh ra quyết định bổ nhiệm, điều động cán bộ; cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ nhiệm bà Lê Thị Hồng Hạnh, Phó Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh giữ chức Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh;</li> <li>- Bổ nhiệm ông Trịnh Xuân Thương, Thư ký Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh giữ chức Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - lao động Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh;</li> <li>- Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Nam, Tổ trưởng Tổ Kỹ thuật XNXD Cửa Lò giữ chức Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật XNXD Cửa Lò – Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh;</li> <li>- Điều động, bổ nhiệm ông Hoàng Văn Thuận, Phó Giám đốc XNXD Bền Thủy giữ chức Phó Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh</li> </ul>	100%
<b>II</b>	<b>Quyết định</b>			
1	Quyết định số:	29/01/2021	- Bổ nhiệm ông Trịnh Xuân Thương – Cử nhân kinh tế; Giữ chức vụ Thư ký Công ty – Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	100%

	35/QĐ-HĐQT			
2	Quyết định số: 39/QĐ-HĐQT	29/01/2021	- Bổ nhiệm có thời hạn ông Nguyễn Xuân Hùng giữ chức Kế toán trưởng Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh kể từ ngày 01/04/2020.	100%
3	Quyết định số: 41/QĐ-HĐQT	29/01/2021	- Bổ nhiệm có thời hạn ông Trần Văn Đạt giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh kể từ ngày 01/04/2020 đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định hiện hành.	100%
4	Quyết định số: 60/QĐ-HĐQT	20/02/2021	Thành lập Tổ thẩm định đầu thầu các gói thầu thuộc dự án Đầu tư 01 cầu trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò gồm các Ông có tên sau: 1- Ông Trần Văn Đạt – Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty - Tổ trưởng 2- Ông Nguyễn Hồng Sơn – Thành viên HĐQT - Thành viên 3- Ông Nguyễn Quang – GD XNXD Bến Thủy - Thành viên 4- Ông Nguyễn Xuân Hùng – Kế toán trưởng - Thành viên kiêm thư ký.	100%
5	Quyết định số: 86/QĐ-HĐQT	26/3/2021	Cử ông: Trần Văn Đạt – Phó Chủ tịch HĐQT, Phó TGD Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh đại diện 36% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò; ứng cử là thành viên HĐQT; ứng cử làm Chủ tịch HĐQT.	100%
6	Quyết định số: 106/QĐ-HĐQT	01/4/2021	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021: + Thời gian tổ chức đại hội: 07 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 4 năm 2021. + Địa điểm tổ chức: Hội trường tầng 2, Khách sạn Sài Gòn Kim Liên, Số 25 - Đường Quang Trung - TP Vinh - Nghệ An.	100%
7	Quyết định số: 107/QĐ-	01/4/2021	Ban hành kèm theo quyết định này: “Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021”, bao gồm 5 Chương và 16 Điều (có Quy chế kèm theo)	100%

	HHQT			
8	Quyết định số: 108/QĐ-HHQT	01/4/2021	<p>Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; bao gồm các Ông (bà) có tên sau:</p> <p>1- Ông Nguyễn Quang: Giám đốc XNXD Bến Thủy – Trưởng ban  2- Ông Phạm Quốc Việt: Trưởng phòng KTVT – Thành viên, thư ký  3- Bà Võ Thị Thành Huế: Phó phòng TCCBLĐ – Thành viên.</p>	100%
6	Quyết định số: 119/QĐ-HHQT	05/5/2021	<p>Phê duyệt thực hiện dự án Đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò như sau:</p> <p><b>1. Tên dự án:</b> Đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò</p> <p><b>2. Chủ đầu tư:</b> Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh</p> <p><b>3. Mục tiêu đầu tư:</b> Đầu tư cần trục phục vụ sản xuất kinh doanh tại Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò nhằm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo xếp dỡ lượng hàng thông qua cảng ngày càng tăng tại XNXD Cửa Lò.</li> <li>- Đảm bảo xếp dỡ cho các tàu trọng tải lớn mà các loại cần trục hiện tại không đáp ứng được do chiều cao mạn khó lớn.</li> <li>- Hoán đổi các thiết bị xếp dỡ cũ, quá tuổi đời sử dụng, thường xuyên hỏng hóc ảnh hưởng tới năng suất lao động, thời gian giải phóng tàu.</li> <li>- Tăng lợi thế cạnh tranh, mang lại hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp.</li> </ul> <p><b>4. Nội dung và quy mô đầu tư:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tháo dỡ, di chuyển 01 cần trục chân đế Liebherr 40 tấn hiện hữu (phần cân cầu) tại cầu số 4 để lắp đặt sang cầu số 2. Phần cân cầu này được đặt cố định tại cầu số 2, lắp đặt bộ sung mới phần ống móng để liên kết và có biện pháp gia cường kết cấu cầu cảng phù hợp. Phần hạ tầng cấp điện được Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh triển khai tại hạng mục đầu tư tách biệt và không nằm trong Dự án đầu tư này.</li> <li>- Đầu tư mua sắm, lắp đặt 01 cần trục mới (phần cân cầu) tại cầu tàu số 4 để thay thế cho phần cân cầu đã chuyển sang cầu số 2. Cần trục mới đầu tư (phần cân cầu) sẽ lắp đặt trên chân</li> </ul>	100%

			<p>để có sẵn tại cầu số 4, có thông số và tính năng tương đương cần trục ban đầu, với mục đích thay thế phần cần cầu cũ nên kết cấu cầu cảng hiện tại sẽ không bị ảnh hưởng trong quá trình khai thác. Phần hạ tầng cấp điện đã có sẵn, đảm bảo hoạt động cho cần trục lắp đặt mới.</p> <p><b>5. Địa điểm đầu tư:</b> Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò</p> <p><b>6. Dự kiến tổng mức đầu tư: 29.649.131 Nghìn đồng</b> (Bảng chữ: Hai mươi chín tỷ sáu trăm bốn mươi chín triệu một trăm ba mươi một nghìn đồng)</p> <p>Trong đó:</p> <table border="1"> <tr> <td>Chi phí xây dựng</td> <td>1.110.276</td> <td>Nghìn đồng</td> </tr> <tr> <td>Chi phí thiết bị</td> <td>25.500.000</td> <td>Nghìn đồng</td> </tr> <tr> <td>Chi phí quản lý dự án</td> <td>522.413</td> <td>Nghìn đồng</td> </tr> <tr> <td>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</td> <td>396.621</td> <td>Nghìn đồng</td> </tr> <tr> <td>Chi phí khác</td> <td>721.849</td> <td>Nghìn đồng</td> </tr> <tr> <td>Chi phí dự phòng</td> <td>1.397.972</td> <td>Nghìn đồng</td> </tr> </table> <p><b>7. Dự kiến nguồn vốn đầu tư:</b>  + Nguồn vốn tự có của cảng chiếm 40% : 11.859.652 Nghìn đồng.  + Nguồn vốn vay chiếm 60% : 17.789.479 Nghìn đồng</p> <p><b>8. Tiến độ thực hiện dự án:</b> 12 tháng.</p>	Chi phí xây dựng	1.110.276	Nghìn đồng	Chi phí thiết bị	25.500.000	Nghìn đồng	Chi phí quản lý dự án	522.413	Nghìn đồng	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	396.621	Nghìn đồng	Chi phí khác	721.849	Nghìn đồng	Chi phí dự phòng	1.397.972	Nghìn đồng
Chi phí xây dựng	1.110.276	Nghìn đồng																			
Chi phí thiết bị	25.500.000	Nghìn đồng																			
Chi phí quản lý dự án	522.413	Nghìn đồng																			
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	396.621	Nghìn đồng																			
Chi phí khác	721.849	Nghìn đồng																			
Chi phí dự phòng	1.397.972	Nghìn đồng																			
7	Quyết định số: 173/QĐ-HDQT	14/6/2021	<p>- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Gói thầu số 1: Cung cấp phần cần và lắp ráp lên Chân đế số 2 tại cầu 4 thuộc dự án Đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò theo Nội dung Tờ trình số 145/TTr-CNT ngày 03/6/2021 (Có Tờ trình kèm theo)</p> <p>- Phê duyệt Hồ sơ mời thầu, Gói thầu số 1: Cung cấp phần cần và lắp ráp lên Chân đế số 2 tại cầu 4 thuộc dự án Đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò theo Nội dung Tờ trình số 146/TTr-CNT ngày 03/6/2021 (Có Tờ trình và Hồ sơ mời thầu kèm theo)</p> <p style="text-align: right;">100%</p>																		

8	Quyết định số: 174/QĐ-HĐQT	14/6/2021	<p>- Phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh</p>	100%
9	Quyết định số: 191/QĐ-HĐQT	30/6/2021	<p>- Phê duyệt giám trừ chi phí chuyển của chuyên đi vào giá trị hợp đồng số 2204/2020/HĐMB ngày 22/4/2020 giữa Liên danh nhà thầu Hải Hà – Avintech và Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh về việc Cung cấp 01 cân cầu quay điện biến tần sức nâng 40 tấn GLE 4030-2 của hãng Macgregor lắp đặt trên chân đế số 1 tại cầu 4 Cảng Cửa Lò thuộc Dự án: Đầu tư 01 cân trục chân đế 40 tấn tại Cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xi nghiệp xếp dỡ Cửa Lò với giá trị giám trừ là: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)</p>	100%
10	Quyết định số: 200/QĐ-HĐQT	05/7/2021	<p>- Phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh giai đoạn 2021 – 2026</p>	100%
11	Quyết định số: 259/QĐ-HĐQT	28/7/2021	<p>Thành lập Tổ thẩm định dự án Đầu tư và các gói thầu thuộc dự án Đầu tư xây dựng Kho chứa hàng tại Cảng Cửa Lò gồm các Ông có tên sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Ông Nguyễn Thạc Hoài – Thành viên HĐQT độc lập - Tổ trưởng</li> <li>2. Ông Trần Văn Đạt – Phó Chủ tịch HĐQT, Phó TGĐ Công ty - Thành viên</li> <li>3. Ông Nguyễn Hồng Sơn – Thành viên HĐQT - Thành viên</li> <li>4. Ông Nguyễn Xuân Hùng – Kế toán trưởng - Thành viên</li> <li>5. Ông Nguyễn Nhật Càn – Trợ lý Tổng Giám đốc - Thành viên thư ký</li> </ol>	100%
12	Quyết định số: 324/QĐ-HĐQT	21/9/2021	<p>Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Gói thầu số 1: Cung cấp phần cầu và lắp ráp lên Chân đế số 2 tại cầu 4, với các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tên nhà thầu trúng thầu: LIÊN DANH NHÀ THẦU HẢI HÀ – AVINTECH (0105824854 - Công ty Cổ phần thiết bị Nâng Hải Hà.0105325559 - CÔNG TY CỔ PHẦN AVINTECH)</li> <li>2. Giá đề nghị trúng thầu: 21.525.000.000 đồng</li> </ol> <p>(Bảng chữ: Hai mươi một tỷ năm trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn)</p>	100%

13	Quyết định số: 326/QĐ-HĐQT	21/9/2021	<p>Tổng giá trị hợp đồng là tổng giá trị giao hàng tại Cảng Cửa Lò, Phường Nghi Tân, Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An đã bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các loại thuế liên quan;</li> <li>+ Chi phí vận chuyển, bảo hiểm, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng vận hành, nghiệm thu, bàn giao, bảo hành;</li> <li>+ Danh mục vật tư dự phòng tiêu chuẩn cấp theo cầu Macgregor GLE 4030-2: (Phụ lục 3 kèm theo);</li> <li>+ Tài liệu kỹ thuật: 03 bộ theo tiêu chuẩn nhà sản xuất (Bao gồm tài liệu hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng (tiếng Anh và bản dịch tiếng Việt);</li> <li>+ Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ).</li> </ul> <p>3. Loại hợp đồng: Trọn gói</p> <p>4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 300 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực</p> <p>5. Nguồn vốn: Vốn tự có của doanh nghiệp và vốn vay ngân hàng</p>	100%
14	Quyết định số: 327/QĐ-HĐQT	21/9/2021	<p>Thành lập Tổ thẩm tra Quyết toán dự án hoàn thành đối với dự án Đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại Cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của XNXD Cửa Lò; bao gồm các Ông/Bà có tên sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Ông Nguyễn Thạch Hoài – Thành viên HĐQT độc lập - Tổ trưởng</li> <li>2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng: Phó Phòng TCKT – Thành viên.</li> <li>3. Ông Yên Văn Phúc: Phó Giám đốc XNXD Cửa Lò – Thành viên</li> <li>4. Bà Lê Thị Hồng Hạnh: Phó Phòng KHKD – Thành viên</li> <li>5. Ông Nguyễn Nhật Căn – Trợ lý Tổng Giám đốc - Thành viên thư ký</li> </ol> <p>- Ban hành kèm theo quyết định này: “Quy định trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bỏ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm cán bộ thuộc Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh”, bao gồm 4 chương, 20 điều và các Phụ lục biểu mẫu</p>	100%
15	Quyết định số: 328/QĐ-	21/9/2021	<p>- Ban hành kèm theo quyết định này: “Quy chế Quản lý tài chính Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh”, bao gồm 5 chương, 40 điều</p>	100%

	HHQT			
16	Quyết định số: 329/QĐ-HHQT	21/9/2021	- Ban hành kèm theo quyết định này: “Quy chế Quản lý và hoạt động Người đại diện phân vốn của Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh tại Doanh nghiệp có vốn góp”, bao gồm 8 chương, 24 điều	100%
17	Quyết định số: 330/QĐ-HHQT	21/9/2021	- Ban hành kèm theo quyết định này: “Quy chế Quản lý nợ áp dụng trong Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh”, bao gồm 4 chương, 15 điều	100%
18	Quyết định số: 331/QĐ-HHQT	21/9/2021	- Ban hành kèm theo quyết định này: “Quy chế Công bố thông tin của Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh”, bao gồm 5 chương, 31 điều và 02 Phụ lục	100%
19	Quyết định số: 332/QĐ-HHQT	21/9/2021	- Ban hành kèm theo quyết định này: “Quy chế thi đua khen thưởng Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh”, bao gồm 8 chương, 28 điều	100%
20	Quyết định số: 334/QĐ-HHQT	27/9/2021	- Phê duyệt Hợp đồng, Gói thầu số 1: Cung cấp phần cầu và lắp ráp lên Chân đế số 2 tại cầu 4, thuộc dự án đầu tư 01 cầu trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xi nghiệp xếp dỡ Cửa Lò theo nội dung Tờ trình số 320/TTr-CNT ngày 14/9/2021; bao gồm 19 Điều và 03 Phụ lục kèm theo	100%
21	Quyết định số: 349/QĐ-HHQT	30/9/2021	- Ban hành kèm theo quyết định này: “Quy chế Quản trị rủi ro của Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh”, bao gồm 5 chương, 12 điều và 01 Phụ lục biểu mẫu	100%
22	Quyết định số: 360/QĐ-HHQT	04/10/2021	- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 2: Tháo phần cầu Chân đế số 2 tại cầu 4, chế tạo trụ cố định và lắp ráp phần cầu Chân đế số 2 lên trụ cố định tại cầu 2 thuộc dự án Đầu tư 01 cầu trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xi	100%



			ng nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	
23	Quyết định số: 361/QĐ-HĐQT	04/10/2021	- Phê duyệt Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 2: Tháo phần cầu Chân đế số 2 tại cầu 4, chế tạo trụ có định và lắp ráp phần cầu Chân đế số 2 lên trụ có định tại cầu 2 thuộc dự án Đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	100%
24	Quyết định số: 368/QĐ-HĐQT	11/10/2021	- Bổ nhiệm có thời hạn ông Nguyễn Danh Hải, Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh giữ chức Phó Tổng giám đốc phụ trách Kinh doanh Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh, kể từ ngày 11/10/2021	100%
25	Quyết định số: 369/QĐ-HĐQT	11/10/2021	- Bổ nhiệm có thời hạn ông Trần Nam Hải, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ lao động Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh giữ chức Phó Tổng giám đốc phụ trách Nội chính Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh, kể từ ngày 11/10/2021	100%
26	Quyết định số: 407/QĐ-HĐQT	27/10/2021	- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 3: Thi công phần nền móng tại cầu 2 Cảng Cửa Lò để lắp đặt trụ có định cầu 40 tấn thuộc dự án Đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	100%
27	Quyết định số: 467/QĐ-HĐQT	15/11/2021	- Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Gói thầu số 2: Tháo phần cầu Chân đế số 2 tại cầu 4, chế tạo trụ có định và lắp ráp phần cầu Chân đế số 2 lên trụ có định tại cầu 2 thuộc dự án Đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	100%
28	Quyết định số: 468/QĐ-HĐQT	15/11/2021	- Phê duyệt phê duyệt Hợp đồng, Gói thầu số 2: Tháo phần cầu Chân đế số 2 tại cầu 4, chế tạo trụ có định và lắp ráp phần cầu Chân đế số 2 lên trụ có định tại cầu 2 thuộc dự án Đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	100%
29	Quyết	22/12/2021	- Phê duyệt Thiết kế BVTC và dự toán, Hạng mục: Trụ đỡ cầu thuộc dự án đầu tư 01 cần	100%

	định số: 508/QĐ- HĐQT		trục chân đế 40 tấn tại cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xi nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	
30	Quyết định số: 535/QĐ- HĐQT	29/12/2021	- Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Kho hàng số 4 tại Cảng Cửa Lò	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Chứng chỉ
1	Ông Lê Doãn Long	Chủ tịch HĐQT	-
2	Ông Bùi Kiều Hưng	Thành viên HĐQT	-
3	Ông Trần Văn Đạt	Thành viên HĐQT	-
4	Ông Nguyễn Thạc Hoài	Thành viên HĐQT	-
5	Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	-

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Nguyễn Thị Minh Thu	Trưởng ban kiểm soát	-	-
2	Nguyễn Thế Tiến	Thành viên BKS	-	-
3	Nguyễn Ngọc Thùy Dung	Thành viên BKS	-	-

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2021, BKS đã thực hiện các công việc như sau:

1. Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021, việc chấp hành Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và các quy chế, quy định, quyết định của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ.

2. Tham dự các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu và đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc (TGD), BKS luôn có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý doanh nghiệp để hoạt động luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và đạt hiệu quả cao nhất.

3. Kiểm tra, giám sát tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, việc thực hiện các dự án đầu tư đã được ĐHĐCĐ thông qua thông qua các báo cáo hàng tháng, quý.



4. Thẩm định Báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các chính sách, quy định pháp luật có liên quan.

5. Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

- Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, BKS luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý trong Công ty để BKS hoàn thành nhiệm vụ mà được ĐHCĐ giao.

- Các thành viên BKS đã hoạt động độc lập, trung thực tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của BKS công ty.

- Trong năm 2021, BKS không nhận được yêu cầu kiểm tra bất thường, đơn thư khiếu nại tố cáo, phản ánh nào của cổ đông/nhóm cổ đông.

- Thông qua quá trình kiểm tra, rà soát, BKS đã có một số kiến nghị với HĐQT, Ban TGD về việc một số nội dung để phù hợp với sự thay đổi của quy định pháp luật, tình hình hoạt động thực tiễn của Công ty trong các lĩnh vực quản lý và điều hành. Hầu hết các kiến nghị của BKS đã được HĐQT, Ban TGD tiếp thu, điều chỉnh kịp thời.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

DVT: Triệu đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù Lao	Khác
1	Lê Doãn Long	Chủ tịch HĐQT	539	29	-	
2	Bùi Kiều Hưng	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	511	29	48	
3	Trần Văn Đạt	Thành viên HĐQT, phó Tổng giám đốc	374	29	72	
4	Trịnh Thị Ngọc Biển	Thành viên HĐQT	-	17	16	
	Nguyễn Thạc Hoài	Thành viên HĐQT độc lập	-	-	32	
5	Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	-	17	48	
6	Nguyễn Thị Minh	Trưởng ban kiểm	-	14,5	60	

	Thu	soát				
7	Nguyễn Thế Tiến	Thành viên BKS	-	12	48	
8	Nguyễn Danh Hải	Thành viên BKS	305	24	16	
	Nguyễn Ngọc Thùy Dung	Thành viên BKS	-	-	32	

- b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ. Trong năm không phát sinh giao dịch
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ. Trong năm không có phát sinh giao dịch
- d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty. Công ty đã ban hành và thực hiện tốt các quy trình, quy định về quản trị công ty cũng như các quy định của Pháp luật và Nhà Nước có liên quan.

#### VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán (kèm theo)
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (kèm theo)

Nơi nhận: *A*  
 - Như trên;  
 - Lưu: VT, TK

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
 LUẬT CỦA CÔNG TY  
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Bùi Kiều Hùng*



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)



## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 32
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 32

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh theo Quyết định số 749/NQ-HHVN ngày 19 tháng 03 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2900325068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 19 tháng 06 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 10, Đường Trường Thi, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Doãn Long	Chủ tịch	
Ông Bùi Kiều Hưng	Thành viên	
Ông Trần Văn Đạt	Thành viên	
Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2021)
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Thạc Hoài	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2021)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Kiều Hưng	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Văn Đạt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2021)
Ông Nguyễn Danh Hải	Phó Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2021)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Danh Hải	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2021)
Ông Nguyễn Thế Tiến	Thành viên	
Bà Nguyễn Ngọc Thủy Dung	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2021)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:



**Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh**

Số 10, Đường Trường Thi, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**Bùi Kiều Hưng**

Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 20 tháng 02 năm 2022



Số: 250222.008/BCTC.KT3

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh được lập ngày 20 tháng 02 năm 2022, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2022

T: (84)24 3824 1990 | F: (84)24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

*Nguyễn Thị Nhân*

Nguyễn Thị Nhân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2959-2020-002-1

A member of International

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>87.752.068.638</b>	<b>113.728.260.931</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	22.762.124.482	23.157.729.946
111	1. Tiền		5.762.124.482	9.157.729.946
112	2. Các khoản tương đương tiền		17.000.000.000	14.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	31.000.000.000	47.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		31.000.000.000	47.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		31.521.633.757	41.979.563.651
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	23.529.206.360	27.213.731.437
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8.963.650.005	10.341.287.800
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	664.298.666	5.825.044.979
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.635.521.274)	(1.400.500.565)
140	IV. Hàng tồn kho	9	2.425.690.837	1.205.552.673
141	1. Hàng tồn kho		2.425.690.837	1.205.552.673
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		42.619.562	385.414.661
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	21.924.241	358.412.761
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	20.695.321	27.001.900
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>186.230.964.420</b>	<b>162.183.372.094</b>
220	II. Tài sản cố định		176.947.067.053	145.935.033.536
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	176.947.067.053	145.888.849.636
222	- Nguyên giá		569.646.373.214	520.925.244.624
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(392.699.306.161)	(375.036.394.988)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	46.183.900
228	- Nguyên giá		395.862.000	395.862.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(395.862.000)	(349.678.100)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	288.404.295	2.669.612.376
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		288.404.295	2.669.612.376
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	4.860.000.000	4.860.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.860.000.000	4.860.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.135.493.072	8.718.726.182
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	4.135.493.072	8.718.726.182
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>273.983.033.058</b>	<b>275.911.633.025</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021


(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>42.766.390.944</b>	<b>41.435.093.552</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>42.766.390.944</b>	<b>41.435.093.552</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	10.774.474.012	7.108.986.959
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	1.474.278.003	898.266.312
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	945.259.985	511.613.234
314	4. Phải trả người lao động		14.375.728.569	14.233.418.818
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	13.354.651.241	11.187.011.447
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	392.789.258	2.163.139.348
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	4.300.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.449.209.876	1.032.657.434
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>231.216.642.114</b>	<b>234.476.539.473</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>231.216.642.114</b>	<b>234.476.539.473</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		215.172.000.000	215.172.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		215.172.000.000	215.172.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.044.642.114	19.304.539.473
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		217.952.940	8.137.631.920
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		15.826.689.174	11.166.907.553
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>273.983.033.058</b>	<b>275.911.633.025</b>

  
Nguyễn Thị Thanh Hồng

Người lập biểu

Nghệ An, ngày 20 tháng 02 năm 2022

  
Nguyễn Xuân Hùng

Kế toán trưởng

  
Bùi Kiều Hưng

Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	213.791.922.952	195.558.285.524
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		213.791.922.952	195.558.285.524
11	4. Giá vốn hàng bán	22	176.699.321.935	168.797.686.311
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.092.601.017	26.760.599.213
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	3.463.992.880	4.004.400.552
22	7. Chi phí tài chính	24	106.576.863	65.797.293
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		12.024.658	5.390.557
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22.746.303.680	21.958.474.832
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.703.713.354	8.740.727.640
31	11. Thu nhập khác	26	4.447.909.774	6.247.208.414
32	12. Chi phí khác	27	2.619.875.862	2.047.852.053
40	13. Lợi nhuận khác		1.828.033.912	4.199.356.361
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		19.531.747.266	12.940.084.001
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	3.705.058.092	1.773.176.448
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>15.826.689.174</u>	<u>11.166.907.553</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	736	519

Nguyễn Thị Thanh Hồng

Người lập biểu

Nghệ An, ngày 20 tháng 02 năm 2022

Nguyễn Xuân Hùng

Kế toán trưởng



Bùi Kiều Hưng

Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		19.531.747.266	12.940.084.001
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		24.804.165.447	24.844.695.310
03	- Các khoản dự phòng		(4.064.979.291)	4.370.505.564
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.025.053	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.415.385.033)	(4.004.400.552)
06	- Chi phí lãi vay		12.024.658	5.390.557
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		34.868.598.100	38.156.274.880
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		9.878.449.477	(10.436.567.805)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.220.138.164)	1.257.456.645
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		4.484.109.734	5.500.246.971
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		4.919.721.630	862.910.481
14	- Tiền lãi vay đã trả		(12.024.658)	(5.390.557)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.974.422.876)	(2.325.606.602)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.543.705.860)	(2.611.323.582)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		48.400.587.383	30.398.000.431
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(53.439.674.055)	(17.442.784.041)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.054.545.455	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(6.000.000.000)	(27.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		22.000.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.797.174.772	3.654.428.329
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(31.587.953.828)	(40.788.355.712)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		5.500.000.000	2.210.681.004
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(5.500.000.000)	(2.210.681.004)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.213.760.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(17.213.760.000)	-

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
(tiếp theo)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(401.126.445)	(10.390.355.281)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		23.157.729.946	33.548.085.227
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.520.981	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>22.762.124.482</u>	<u>23.157.729.946</u>



Nguyễn Thị Thanh Hồng  
Người lập biểu  
Nghệ An, ngày 20 tháng 02 năm 2022



Nguyễn Xuân Hùng  
Kế toán trưởng



Bùi Kiều Hưng  
Tổng Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh theo Quyết định số 749/NQ-HHVN ngày 19 tháng 03 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2900325068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 19 tháng 06 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 10, Đường Trường Thi, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 215.172.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 215.172.000.000 đồng; tương đương 21.517.200 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 422 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 417 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ dẫn dắt tàu ra ngoài cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn, kiểm tra tàu hoạt động trong khu vực cảng; Dịch vụ cứu hộ, cứu nạn tàu thuyền trên biển; Dịch vụ tàu biển, thu gom hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi và kho quan ngoại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ đi sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Xây dựng và kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2021, mặc dù chịu tác động của dịch Covid-19, tuy nhiên, nhờ sự phục hồi của kim ngạch xuất nhập khẩu và xu hướng container hóa, sản lượng hàng hóa thông qua cảng của Công ty đạt mức tăng trưởng đáng kể. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	Nghệ An	Bốc xếp, cho thuê kho bãi
Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy	Nghệ An	Bốc xếp, cho thuê kho bãi

Thông tin về công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3. Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## 2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.6. Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 20 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Các tài sản khác	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

## 2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.11. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 10 năm.

## 2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

#### 2.14. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

#### 2.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.16. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.17. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

#### 2.18. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.19. Doanh thu

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu cho thuê hoạt động*

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm cho thuê kho bãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.20. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

## 2.21. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng một mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm 2021.

## 2.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.25. Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ bốc xếp hàng hóa phát sinh tại lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Tiền mặt	18.752.949	197.797.027
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.743.371.533	8.959.932.919
- Các khoản tương đương tiền (*)	17.000.000.000	14.000.000.000
	<b>22.762.124.482</b>	<b>23.157.729.946</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 17.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 3,1%/năm đến 3,3%/năm.

## 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	31.000.000.000	-	47.000.000.000	-
	<b>31.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>47.000.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng có giá trị 31.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 3,5%/năm đến 5,5%/năm.

### b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	4.860.000.000	-	4.860.000.000	-
	<b>4.860.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.860.000.000</b>	<b>-</b>

Thông tin chi tiết về Công ty đầu tư liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Nghệ An	36,00%	36,00%	Kinh doanh vận tải, lai dắt tàu

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

## 5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Phú An	1.011.854.467	-	621.605.607	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Namico	1.022.777.590	(1.022.777.590)	1.022.777.590	(715.944.313)
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông Á	699.217.970	-	2.148.273.600	-
- Công ty Cổ phần Nhật Việt	6.932.865.090	-	7.865.653.799	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển GLS	1.534.554.199	-	2.577.411.246	-
- Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Nghệ An	418.217.472	-	1.250.227.816	-
- Công ty Vận tải Quốc tế Mê Kông	2.597.902.798	-	2.196.514.009	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	9.311.816.774	(612.743.684)	9.531.267.770	(684.556.252)
	<b>23.529.206.360</b>	<b>(1.635.521.274)</b>	<b>27.213.731.437</b>	<b>(1.400.500.565)</b>
<b>b) Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	<b>143.933.200</b>	<b>-</b>	<b>660.019.328</b>	<b>-</b>

## 6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thiết bị nâng Hải Hà	8.490.300.000	-	8.061.787.800	-
- Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp nặng Mico	-	-	1.740.000.000	-
- Công ty TNHH A&H	-	-	372.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Intecom	200.000.000	-	-	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	273.350.005	-	167.500.000	-
	<b>8.963.650.005</b>	<b>-</b>	<b>10.341.287.800</b>	<b>-</b>

## 7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	629.966.666	-	982.727.779	-
- Tạm ứng	-	-	695.000.000	-
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	-	-	4.104.594.960	-
- Phải thu khác	34.332.000	-	42.722.240	-
	<b>664.298.666</b>	<b>-</b>	<b>5.825.044.979</b>	<b>-</b>

## 8. NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Công ty Cổ phần Khoáng sản Namico	1.022.777.590	-	1.022.777.590	306.833.277
+ Công ty TNHH Bắc Sơn	289.444.738	-	289.444.738	-
+ Các đối tượng khác	331.839.806	8.540.860	410.526.594	15.415.080
	<b>1.644.062.134</b>	<b>8.540.860</b>	<b>1.722.748.922</b>	<b>322.248.357</b>

## 9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	2.126.824.484	-	902.530.635	-
- Công cụ, dụng cụ	298.866.353	-	303.022.038	-
	<b>2.425.690.837</b>	<b>-</b>	<b>1.205.552.673</b>	<b>-</b>

## 10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Dự án đầu tư cần trực	-	228.066.936
- Dự án cải tạo bãi chứa hàng 1A, 1B	-	2.295.754.531
- Dự án sửa chữa tài sản cố định	228.654.545	-
- Dự án khác	59.749.750	145.790.909
	<b>288.404.295</b>	<b>2.669.612.376</b>



### 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

*Chi tiết tại Phụ lục 01*

### 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	395.862.000	395.862.000
Số dư cuối năm	<u>395.862.000</u>	<u>395.862.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	349.678.100	349.678.100
- Khấu hao trong năm	46.183.900	46.183.900
Số dư cuối năm	<u>395.862.000</u>	<u>395.862.000</u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	46.183.900	46.183.900
Tại ngày cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 395.862.000 VND

### 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	21.924.241	358.412.761
	<u>21.924.241</u>	<u>358.412.761</u>
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>		
- Chi phí tư vấn và nạo vét vũng đậu tàu	-	4.637.476.729
- Chi phí sửa chữa	3.952.960.475	3.165.042.743
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	77.464.411	648.614.875
- Chi phí trả trước dài hạn khác	105.068.186	267.591.835
	<u>4.135.493.072</u>	<u>8.718.726.182</u>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần Kho vận Nhật Việt Nghệ An	4.392.695.821	4.392.695.821	5.568.236.191	5.568.236.191
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quang Tùng	1.107.721.518	1.107.721.518	50.129.000	50.129.000
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại 34	809.540.000	809.540.000	-	-
- Công ty TNHH Cảng Cửa Lò	1.338.168.943	1.338.168.943	894.749.773	894.749.773
- Phải trả các đối tượng khác	3.126.347.730	3.126.347.730	595.871.995	595.871.995
	<b>10.774.474.012</b>	<b>10.774.474.012</b>	<b>7.108.986.959</b>	<b>7.108.986.959</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thảo Khang Logistics	-	258.134.657
- Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Tài nguyên	105.774.779	-
- Công ty Cổ phần Logistics New Way	-	130.680.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	147.000.000	147.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	332.766.802	-
- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Miền Trung	470.841.668	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu	129.124.540	-
- Người mua trả tiền trước khác	288.770.214	362.451.655
	<b>1.474.278.003</b>	<b>898.266.312</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Chi tiết tại Phụ lục 02*

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí thuê bến cảng số 5 Cảng Cửa Lò	10.854.651.241	8.687.011.447
- Chi phí hỗ trợ nạo vét luồng vào Cảng Cá	2.500.000.000	2.500.000.000
	<b>13.354.651.241</b>	<b>11.187.011.447</b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Phụ cấp lương người đại diện vốn tại Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cửa Lò	45.000.000	180.000.000
- Công ty Luật TNHH MTV Việt Phúc	-	871.170.053
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	347.789.258	1.111.969.295
	<b>392.789.258</b>	<b>2.163.139.348</b>

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	215.172.000.000	9.203.631.920	224.375.631.920
Lãi trong năm trước	-	11.166.907.553	11.166.907.553
Phân phối lợi nhuận	-	(1.066.000.000)	(1.066.000.000)
Số dư cuối năm trước	<b>215.172.000.000</b>	<b>19.304.539.473</b>	<b>234.476.539.473</b>
Số dư đầu năm nay	215.172.000.000	19.304.539.473	234.476.539.473
Lãi trong năm nay	-	15.826.689.174	15.826.689.174
Phân phối lợi nhuận	-	(19.086.586.533)	(19.086.586.533)
Số dư cuối năm nay	<b>215.172.000.000</b>	<b>16.044.642.114</b>	<b>231.216.642.114</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01-21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang		8.137.631.920
Kết quả kinh doanh sau thuế	16,77%	11.166.907.553
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15,00%	1.675.036.133
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	1,77%	197.790.400
Chi trả cổ tức (bằng 8% vốn điều lệ)		17.213.760.000
Lợi nhuận chưa phân phối		217.952.940

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021	Tỷ lệ	01/01/2021	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam-	109.737.720.000	51,00%	109.737.720.000	51,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tuần Lộc	45.941.560.000	21,35%	45.941.560.000	21,35%
Các cổ đông khác	59.492.720.000	27,65%	59.492.720.000	27,65%
	<b>215.172.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>215.172.000.000</b>	<b>100%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	215.172.000.000	215.172.000.000
- Vốn góp cuối năm	<u>215.172.000.000</u>	<u>215.172.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	17.213.760.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	17.213.760.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(17.213.760.000)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(17.213.760.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.517.200	21.517.200
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	21.517.200	21.517.200
- Cổ phiếu phổ thông	21.517.200	21.517.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.517.200	21.517.200
- Cổ phiếu phổ thông	21.517.200	21.517.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê Bến số 5 - Cảng Cửa Lò số 296/HĐ/2018 ngày 28/12/2018 với Công ty TNHH Cảng Cửa Lò để sử dụng với mục đích vận hành và khai thác. Thời gian thuê là 36 tháng cho đến ngày 26/01/2022. Tổng giá trị hợp đồng là 60 tỷ đồng. Tại thời điểm 31/12/2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	10.854.651.241	24.616.438.356
- Trên 1 năm đến 5 năm	-	1.643.835.616
	<u>10.854.651.241</u>	<u>26.260.273.972</u>

Công ty ký hợp đồng thuê bãi tại Cảng Cửa Lò số 01/01/2020/HĐKT/CCL-CNT ngày 01/02/2020 với Công ty TNHH Cảng Cửa Lò để sử dụng với mục đích chứa hàng hóa. Diện tích thuê là 9.000 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê bãi theo quý, với đơn giá cố định trong năm đầu tiên là 17.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng, và cứ sau mỗi năm, hai bên sẽ đàm phán để điều chỉnh giá.

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Thị xã Cửa Lò và Thành phố Vinh với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An để sử dụng với mục đích xây dựng bến cảng xếp dỡ hàng hóa và làm trụ sở Công ty với tổng diện tích đất thuê là 304.597,90 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đất từ 20 năm đến 40 năm. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
	USD	USD
Đô la Mỹ (USD)	76.111	266.667
	<b>76.111</b>	<b>266.667</b>

**21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Cửa Lò	199.878.718.243	182.926.284.640
Doanh thu cung cấp dịch vụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Bến Thủy	13.398.753.751	12.632.000.884
Doanh thu cung cấp dịch vụ tại Văn phòng	514.450.958	-
	<b>213.791.922.952</b>	<b>195.558.285.524</b>
<b>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	<b>1.859.290.949</b>	<b>1.214.703.208</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ Xí nghiệp Xếp dỡ Cửa Lò	165.722.051.454	157.671.883.729
Giá vốn dịch vụ Xí nghiệp Xếp dỡ Bến Thủy	10.977.270.481	11.125.802.582
	<b>176.699.321.935</b>	<b>168.797.686.311</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.989.106.666	2.958.263.233
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.455.306.993	1.046.137.319
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	19.579.221	-
	<b>3.463.992.880</b>	<b>4.004.400.552</b>
<b>Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	<b>1.455.306.993</b>	<b>1.046.137.319</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	12.024.658	5.390.557
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	93.527.152	60.406.736
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.025.053	-
	<b>106.576.863</b>	<b>65.797.293</b>

## 25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.564.550.036	985.546.311
Chi phí nhân công	10.869.081.417	9.117.331.344
Chi phí khấu hao tài sản cố định	744.909.094	700.498.489
Chi phí dự phòng	235.020.709	70.505.564
Thuế, phí, lệ phí	329.415.764	491.549.737
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.679.316.257	2.857.125.730
Chi phí khác bằng tiền	6.324.010.403	7.735.917.657
	<b>22.746.303.680</b>	<b>21.958.474.832</b>

## 26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.970.971.374	-
Tiền phạt thu được	-	375.239.261
Thu nhập từ tiền thưởng của các hợp đồng kinh tế	1.118.040.780	802.129.909
Thu nhập từ tiền bồi thường tổn thất tài sản	-	4.104.594.960
Thu nhập khác	1.358.897.620	965.244.284
	<b>4.447.909.774</b>	<b>6.247.208.414</b>

## 27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí khắc phục sự cố do tổn thất tài sản	-	1.224.710.000
Các khoản bị phạt	275.286.636	547.505.746
Chi phí ủng hộ Vắc-xin phòng dịch Covid 19	2.000.000.000	-
Chi phí khác	344.589.226	275.636.307
	<b>2.619.875.862</b>	<b>2.047.852.053</b>

## 28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	19.531.747.266	12.940.084.001
Các khoản điều chỉnh tăng	454.371.170	771.599.381
- <i>Thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách</i>	233.533.333	186.000.000
- <i>Tiền phạt vi phạm hành chính</i>	220.837.837	547.505.746
- <i>Chi phí không được trừ khác</i>	-	38.093.635
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.460.827.974)	(1.046.137.319)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(1.455.306.993)	(1.046.137.319)
- <i>Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm</i>	(5.520.981)	
Thu nhập chịu thuế TNDN	18.525.290.462	12.665.546.063
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	3.705.058.092	2.533.109.213
Thuế TNDN được giảm theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP (30%)	-	(759.932.764)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>3.705.058.092</b>	<b>1.773.176.448</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	8.964.772	561.394.926
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.974.422.876)	(2.325.606.602)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>739.599.988</b>	<b>8.964.772</b>

## 29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	15.826.689.174	11.166.907.553
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.826.689.174	11.166.907.553
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	21.517.200	21.517.200
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>736</b>	<b>519</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

### 30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.496.336.741	23.456.264.685
Chi phí nhân công	74.415.059.182	68.658.917.929
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.804.165.447	24.844.695.310
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.245.358.111	57.583.090.733
Chi phí khác bằng tiền	15.484.706.134	16.213.192.486
	<b>199.445.625.615</b>	<b>190.756.161.143</b>

### 31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.762.124.482	-	23.157.729.946	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	24.193.505.026	(1.635.521.274)	33.038.776.416	(1.400.500.565)
Các khoản cho vay	31.000.000.000	-	47.000.000.000	-
	<b>77.955.629.508</b>	<b>(1.635.521.274)</b>	<b>103.196.506.362</b>	<b>(1.400.500.565)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán, phải trả khác	11.167.263.270	9.272.126.307
Chi phí phải trả	13.354.651.241	11.187.011.447
	<b>24.521.914.511</b>	<b>20.459.137.754</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.



### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.762.124.482	-	-	22.762.124.482
Phải thu khách hàng, phải thu khác	22.557.983.752	-	-	22.557.983.752
Các khoản cho vay	31.000.000.000	-	-	31.000.000.000
	<u>76.320.108.234</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>76.320.108.234</u>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.157.729.946	-	-	23.157.729.946
Phải thu khách hàng, phải thu khác	31.638.275.851	-	-	31.638.275.851
Các khoản cho vay	47.000.000.000	-	-	47.000.000.000
	<u>101.796.005.797</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>101.796.005.797</u>

### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	11.167.263.270	-	-	11.167.263.270
Chi phí phải trả	13.354.651.241	-	-	13.354.651.241
	<b>24.521.914.511</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>24.521.914.511</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	9.272.126.307	-	-	9.272.126.307
Chi phí phải trả	11.187.011.447	-	-	11.187.011.447
	<b>20.459.137.754</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.459.137.754</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc là cổ đông của Công ty, người có liên quan Hội đồng Quản trị nắm giữ 4.594.156 cổ phần (tỷ lệ 21,35%) thực hiện đăng ký bán toàn bộ số cổ phần đang nắm giữ tại Công ty. Ngày dự kiến kết thúc giao dịch là ngày 25 tháng 02 năm 2022.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Vận tải Biển VIMC-Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	Chi nhánh của Công ty mẹ
Công đoàn Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng, dịch vụ</b>	<b>1.859.290.949</b>	<b>1.214.703.208</b>
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	209.400.000	206.659.609
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	729.421.989	1.008.043.599
- Công ty Vận tải Biển VIMC-Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	920.468.960	-
<b>Nhận cổ tức</b>	<b>1.455.306.993</b>	<b>1.046.137.319</b>
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	1.455.306.993	1.046.137.319
<b>Trả cổ tức</b>	<b>11.894.342.400</b>	<b>-</b>
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	8.779.017.600	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tuấn Lộc	3.115.324.800	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>143.933.200</b>	<b>660.019.328</b>
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	143.933.200	21.398.600
- Công ty Vận tải Biển.VIMC-Chi nhánh Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	-	638.620.728
<b>Phải trả người bán</b>	<b>-</b>	<b>5.400.000</b>
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	-	5.400.000
<b>Phải trả phải nộp khác</b>	<b>243.000.000</b>	<b>-</b>
- Công đoàn Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	243.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Thu nhập của Tổng Giám đốc</b>	<b>525.729.000</b>	<b>373.109.000</b>
<b>Thù lao và tiền lương của từng thành viên khác trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>1.560.909.000</b>	<b>786.615.000</b>
- Ông Lê Doãn Long	502.528.000	439.954.000
- Ông Trần Văn Đạt	407.747.000	301.661.000
- Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	15.466.667	15.000.000
- Ông Nguyễn Hồng Sơn	48.000.000	30.000.000
- Ông Nguyễn Thạc Hoài	32.533.333	-
- Ông Trần Nam Hải	272.803.000	-
- Ông Nguyễn Danh Hải	281.831.000	-
- Ông Hoàng Tất Thắng (*)	-	15.000.000
- Ông Lê Duy Dương (*)	-	15.000.000
- Ông Nguyễn Văn Hạnh (*)	-	21.000.000

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đã thông qua miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ theo nội dung tờ trình số 05/2020/TTr-HĐQT ngày 17/06/2020 của Hội đồng quản trị.

### 34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.




Nguyễn Thị Thanh Hồng  
Người lập biểu

Nghệ An, ngày 20 tháng 02 năm 2022



Nguyễn Xuân Hùng  
Kế toán trưởng



Bùi Kiều Hưng  
Tổng Giám đốc

**PHỤ LỤC 01: TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	297.118.938.585	14.148.754.221	193.227.043.134	723.286.818	15.707.221.866	520.925.244.624
- Mua trong năm	-	2.089.090.909	38.462.610.247	-	2.215.904.057	42.767.605.213
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	13.053.276.923	-	-	-	-	13.053.276.923
- Thanh lý, nhượng bán	(1.667.380.000)	-	(5.295.961.465)	-	(136.412.081)	(7.099.753.546)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>308.504.835.508</b>	<b>16.237.845.130</b>	<b>226.393.691.916</b>	<b>723.286.818</b>	<b>17.786.713.842</b>	<b>569.646.373.214</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	251.201.816.889	9.270.301.011	106.601.454.030	407.388.340	7.555.434.718	375.036.394.988
- Khấu hao trong năm	9.471.452.467	251.204.354	12.840.438.573	126.341.975	2.068.544.178	24.757.981.547
- Thanh lý, nhượng bán	(1.667.380.000)	-	(5.295.961.465)	-	(131.728.909)	(7.095.070.374)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>259.005.889.356</b>	<b>9.521.505.365</b>	<b>114.145.931.138</b>	<b>533.730.315</b>	<b>9.492.249.987</b>	<b>392.699.306.161</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	45.917.121.696	4.878.453.210	86.625.589.104	315.898.478	8.151.787.148	145.888.849.636
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>49.498.946.152</b>	<b>6.716.339.765</b>	<b>112.247.760.778</b>	<b>189.556.503</b>	<b>8.294.463.855</b>	<b>176.947.067.053</b>

**Trong đó:**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

168.618.412.552 VND  
1.841.535.661 VND

**PHỤ LỤC 02: THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	502.648.462	-	4.082.645.714	4.379.634.179	-	-	205.659.997	-	-	-	205.659.997
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	8.964.772	-	3.705.058.092	2.974.422.876	-	-	739.599.988	-	-	-	739.599.988
Thuế Thu nhập cá nhân	18.094.800	-	-	352.180.306	354.780.827	-	-	-	20.695.321	20.695.321	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-	2.154.379.500	2.154.379.500	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	8.907.100	-	-	133.479.566	124.572.466	-	-	-	-	-	-	-
	<b>27.001.900</b>	<b>511.613.234</b>		<b>10.427.743.178</b>	<b>9.987.789.848</b>			<b>20.695.321</b>				<b>945.259.985</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.